

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
NÓI 6**

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

Năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

- Tên học phần:** Nói 6
- Mã học phần:** NNTQ 051
- Số tín chỉ:** 2 (0,2)
- Trình độ cho sinh viên:** Sinh viên Đại học năm thứ 3 (kỳ 2)
- Phân bổ thời gian:**
 - Lên lớp: 0 giờ lý thuyết, 60 giờ thực hành
 - Tự học: 60 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Học sau học phần Nói 5
- Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thị Hồng Trang	0966.518.898	pthtrang@saodo.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988900158	nthoa@saodo.edu.vn
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978693593	bttrang@saodo.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988964751	ntxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần:

Giáo trình Nói 6 gồm 10 bài. Mỗi bài một chủ đề gồm 3 phần: Bài khóa, từ mới và bài tập. Trong mỗi phần có phần từ mới chú thích và bài tập, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cách dùng từ, cấu trúc câu, cách biểu đạt câu theo các chủ đề, các kiến thức nâng cao thông qua các tình huống ngôn ngữ để thực hiện giao tiếp nâng cao theo các chủ đề như: Thói quen rất khó để thay đổi, im lặng có phải là vàng, tiền bạc và niềm vui, hạnh phúc, tình nghĩa không dễ chối từ, mười hai con giáp, thành ngữ về con vật, các ngày lễ Tết ở Trung Quốc.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1 Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo được trình bày theo bảng sau:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Kiến thức tiếng Trung Quốc nâng cao thông qua các chủ đề giao tiếp.	5	[1.2.1.2. a] [1.2.1.2. c]
MT1.2	Vận dụng các cách biểu đạt trong các tình huống giao tiếp nâng cao.		
MT1.3	Vốn từ vựng và các điểm ngôn ngữ tương ứng để có thể trình bày quan điểm cá nhân trong các tình huống ngôn ngữ cụ thể.		
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nghe hiểu các đoạn hội thoại và các đoạn tin bài về vấn đề liên quan đến chủ đề trong bài học.	5	[1.2.2.2]
MT2.2	Thuyết trình bằng tiếng Trung nói rõ quan điểm về vấn đề liên quan đến chủ đề trong bài học dựa trên nội dung của bài khóa.		
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp nâng cao.	5	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.		

9.2. Chuẩn đầu ra cho học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1.1	Giải thích được từ vựng tiếng Trung Quốc nâng cao, có thể nghe viết đúng chữ Hán ở trình độ tương đương.	4	[2.1.4]
CDR1.2	Lý giải được ý nghĩa các cụm từ cố định, các câu thành ngữ ở trình độ cao cấp.	5	[2.1.4]
CDR1.3	Phân biệt được các cách biểu đạt trong các tình huống ngôn ngữ.	4	[2.1.4]
CDR1.4	Xây dựng được các đoạn hội thoại ngắn, đoạn văn ngắn ở trình độ trung cao cấp, để tiến hành hội thoại hoặc thuyết trình, cũng như tiến hành giao tiếp trong các tình huống ngôn ngữ.	5	[2.1.5] [2.1.6]
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Nâng cao kỹ năng giao tiếp ở trình độ cao cấp các vấn đề như: lối sống, hạnh phúc, tình nghĩa, mười hai con giáp, thành ngữ về con vật, các ngày lễ Tết ở Trung Quốc...	5	[2.2.1]
CDR2.2	Nâng cao kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm.		
CDR2.3	Nâng cao kỹ năng phản biện trong các tình huống ngôn ngữ.		
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.		
CDR3.2	Tuân thủ theo văn hoá giao tiếp của người bản địa trong thực hành kỹ năng nói tiếng Trung Quốc, đồng thời biết gìn giữ văn hoá giao tiếp của Việt Nam trong các tình huống ngôn ngữ.	5	[2.3.1] [2.3.2] [2.3.3] [2.3.4]
CDR3.3	Xác định được năng lực tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần									
		CDR1				CDR2			CDR1		
		CDR1 .1	CDR1. 2	CDR1. 3	CDR1. 4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	第一课 习惯是很难改变的	4	5	4	5	5	5	5	5	5	5
2	第二课 人类不能自掘坟墓	4	5	4	5	5	5	5	5	5	5
3	第五课 君子之交淡如水	4	5	4	5	5	5	5	5	5	5
4	第七课 金钱与快乐	4	5	4	5	5	5	5	5	5	5
5	第九课 打击犯罪须综合治理	4	5	4	5	5	5	5	5	5	5
6	第十课 诗的国家	4	5	4	5	5	5	5	5	5	5
7	第十一课 书山有路勤为径，学海无涯	4	5	4	5	5	5	5	5	5	5
8	第十三课 你是属什么的？一话说属相	4	5	4	5	5	5	5	5	5	5
9	第十四课 干嘛让狗嘴里吐象牙啊？动物与成语	4	5	4	5	5	5	5	5	5	5
10	第十六课 每逢佳节倍思亲—中国的传统节日	4	5	4	5	5	5	5	5	5	5

11. Đánh giá học phần

11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	CDR của học phần			Ghi chú
					CDR1	CDR2	CDR3	
1	Điểm thường xuyên	1 điểm	20%	Bài tập cá nhân, thực hành nói	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3. CDR1.4.	CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3.	CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Kiểm tra định kỳ	2 điểm	80%	Vấn đáp (7 phút/SV)	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3. CDR1.4.	CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3.	CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3	

11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

12. Yêu cầu học phần

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các tiết học (tối thiểu 80% số tiết học trên lớp) dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Hoàn thành các bài tập trong giáo trình và đọc tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo theo quy định của giảng viên.

- Có đầy đủ điểm thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia luyện tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.

- Có đầy đủ dụng cụ và tài liệu học tập: điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

13- Tài liệu học tập:

* Tài liệu bắt buộc:

[1] Dương Ký Châu (2007), Giáo trình khẩu ngữ tiếng Hán cao cấp (quyển hạ), NXB Đại học Bắc Kinh

* Tài liệu tham khảo

[2] Chương Kỳ Hiếu chủ biên (10. 1997) *Khẩu ngữ tiếng Hán cao cấp*, NXB Đại học văn hóa ngôn ngữ Bắc Kinh.

[3] 祖人植、任雪梅 (1999), 高级汉语口语, 北京语言大学出版社

14. Nội dung chi tiết học phần

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	<p>第一课 习惯是很难改变的</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa và sử dụng đúng từ và cụm từ mới như: 反正、AA 制、谈何容易、不以为然、笑逐颜开, ... - Tích lũy vốn từ vựng thông qua nội dung luyện tập như: 讲究、听取、起码、欢天喜地、脸红脖子粗、节约、各付各的、爱面子、慷慨、贷方、过瘾, ... - Xây dựng đoạn hội thoại ngắn, đoạn văn ngắn trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan đến chủ đề trong bài. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文 二、生词 三、练习</p>	6 (0LT, 6TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, tranh biện nhanh, đóng vai, hoạt động nhóm</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa. + Hướng dẫn sinh viên đặt câu với từ, cụm từ và cấu trúc mới trong bài. + Thiết kế chủ đề tranh biện nhanh: <ul style="list-style-type: none"> (1) 习惯不能改变 (2) 习惯可以改变的。 + Xây dựng tình huống đóng vai dựa trên bài khóa “三顾茅庐”. + Nhận xét, đánh giá và sửa lỗi sai ngữ âm và ngữ pháp. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 15. + Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời các câu hỏi. + Tóm tắt nội dung chính của bài khóa + Chuẩn bị tư liệu, dẫn chứng tham gia hoạt động tranh biện nhanh. + Các nhóm tiến hành phân vai, tập luyện và quay video nhiệm vụ đóng vai được giao. + Nhận xét và rút kinh nghiệm trong quá trình thực hành tranh biện và đóng vai. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
			+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 7 - 15.	
2	<p>第二课 人类不能自掘坟墓</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa và sử dụng đúng từ và cụm từ mới như: 意识、按照、处于、套、无异于、不堪设想, ... - Vận dụng đúng cấu trúc “V 着也是 V 着, 不如...” để đặt câu. - Tích lũy vốn từ vựng thông qua luyện tập như: 有害、处于、污染、老一套、按照、头疼、过量、憋气, ... - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề bảo vệ môi trường hiện nay. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、练习 	6 (OLT, 6TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hướng dẫn sinh viên phát âm từ, cụm từ mới, đọc diễn cảm bài thơ đường “咏柳”. + Hướng dẫn sinh viên đặt câu với từ, cụm từ và cấu trúc mới trong bài. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa. + Giao nhiệm vụ theo cá nhân, sinh viên lựa chọn một trong những nhiệm vụ sau (bài thuyết trình có sử dụng PowerPoint): (1) 我们国家怎么保护环境 (2) 介绍百合花 (3) 介绍乌龙茶 <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 16 - 30. + Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Tóm tắt nội dung chính bài khóa + Thuật lại nội dung bài khóa + Thuyết trình nhiệm vụ cá nhân được giao. + Nhận xét và đánh giá bài thuyết trình đan xen giữa các thành viên trong lớp. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 22 - 30. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
3	<p>第五课 君子之交淡如水</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa và sử dụng đúng từ, cụm từ mới như: 从、顿时、立刻、君子之交淡如水, ... - Tích lũy vốn từ vựng thông qua luyện tập như: 竭力、求助、罢免、求全、责备、始终不渝、困境、施展、合伙、贪财、孤独, ... - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 二、练习 	6 (OLT, 6TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, đóng vai</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hướng dẫn sinh viên phát âm từ, cụm từ mới, đọc diễn cảm bài thơ đường “赠汪伦”. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa: 君子之交淡如水. + Xây dựng hoạt động đóng vai thuật lại bài khóa “知音”. + Nhận xét, đánh giá, sửa lỗi sai ngữ âm và ngữ pháp. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 60 - 75. + Lắng nghe, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Tóm tắt nội dung chính của bài khóa. + Phản xạ nhanh trước những câu hỏi mà giảng viên đưa ra. + Thực hiện hoạt động đóng vai: Đứng từ góc độ của nhân vật “俞伯牙” hoặc “钟子期” kể lại câu chuyện. + Rút kinh nghiệm về lỗi sai ngữ âm và ngữ pháp. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 67 - 75. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
4	<p>第七课 金钱与快乐</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa và sử dụng đúng từ, cụm từ mới như: 说白了、信不信由你、舍不得、捐助、富裕, ... 	5 (OLT, 5TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hướng dẫn sinh viên phát âm từ, cụm từ mới, đọc diễn cảm bài thơ “石灰吟”. + Đưa ra câu hỏi liên quan 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3,

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	<p>- Vận dụng đúng cấu trúc như: 难 + V、V/adj + 起来、V/adj + 下去 để đặt câu miêu tả.</p> <p>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>二、练习</p>		<p>đến hội thoại “金钱与快乐”.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên vận dụng đúng cấu trúc ngữ pháp trọng điểm đặt xây dựng hội thoại ngắn.</p> <p>+ Giao bài tập thuyết trình theo cá nhân.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá, sửa lỗi sai ngữ âm và ngữ pháp.</p> <p>Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 91 - 105.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời các câu hỏi.</p> <p>+ Tóm tắt nội dung chính bài khóa.</p> <p>+ Thuật lại nội dung chính của bài khóa.</p> <p>+ Xây dựng hội thoại ngắn có sử dụng từ mới và cấu trúc trong bài.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 98 - 105.</p>	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
5	<p>第九课 打击犯罪须综合治理</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <p>- Hiểu nghĩa và sử dụng đúng từ và cụm từ mới như: 住、了、频频、早晚、天罗地网、巧妙、跨国, ...</p> <p>- Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung</p> <p>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p>	7 (OLT, 4TH, 3KT)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, làm việc nhóm</p> <p>Giảng viên:</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên phát âm từ, cụm từ mới, đọc diễn cảm bài thơ “竹石”.</p> <p>+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên vận dụng đúng cấu trúc ngữ pháp trọng điểm đặt xây dựng hội thoại ngắn.</p> <p>+ Giao bài tập thuyết trình</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	一、课文 二、生词 三、练习 * Bài kiểm tra định kỳ số 1.		theo nhóm (có sử dụng PowerPoint) . Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 121 - 135. + Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Tóm tắt nội dung chính của bài khóa + Thuật lại nội dung chính của bài khóa. + Thuyết trình nhiệm vụ được giao. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 128 - 135. + SV nghiêm túc hoàn thành bài kiểm tra định kỳ số 1.	
6	第十课 诗的国家 Mục tiêu cụ thể: - Hiểu nghĩa và sử dụng đúng từ và cụm từ mới như: 背诵诗词、背诵课文、背诵台词、不会背诵、合辙押韵 情真意美、朗朗上口、前无古人, ... - Nắm bắt được một số đặc điểm của nền thơ ca Trung Quốc như: 唐诗、宋词、元曲、楚辞, ... - Đọc thuộc và đọc diễn cảm được một số bài thơ tiêu biểu như: 静夜诗、绝句、春晓、雪, ... Nội dung cụ thể: 一、课文	6 (OLT, 6TH)	Thuyết trình, vấn đáp, làm việc nhóm, đóng vai Giảng viên: + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa. + Giảng giải một số thuật ngữ thơ ca cổ Trung Quốc. + Giới thiệu vắn tắt về tiểu sử các nhà thơ Đỗ Phủ, Lý Bạch, Mạnh Hạo Nhiên, Vương Duy. + Giao nhiệm vụ đóng vai theo cặp thực hành bài luyện tập số 4 trang 152. + Nhận xét, đánh giá lỗi sai ngữ âm và ngữ pháp. Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 136 - 152.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	二、生词 二、练习		+ Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Tóm tắt nội dung chính của bài khóa + Đọc diễn cảm những tác phẩm thơ ca được trích dẫn trong bài khóa. + Hoàn thành nhiệm vụ đóng vai các nhân vật. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 145 - 152.	
7	第十一课 书山有路勤为径，学海无涯 Mục tiêu cụ thể: - Hiểu nghĩa và sử dụng đúng các từ và cụm từ mới như: 愈、为、青山有幸埋忠骨，白铁无辜铸佞臣、体现, ... - Vận dụng cấu trúc “动词+起来、既...也...” để xây dựng hội thoại ngắn hoặc đoạn văn ngắn. - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 二、练习	6 (OLT, 6TH)	Thuyết trình, vấn đáp, hoạt động nhóm. Giảng viên: + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa. + Hướng dẫn sinh viên đặt câu với cấu trúc trọng điểm trong bài. + Giao bài tập thuyết trình theo nhóm, cá nhân. + Phân nhóm, yêu cầu sinh viên hỏi đáp theo cặp. + Nhận xét, đánh giá lỗi sai ngữ âm và ngữ pháp. Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 153 - 172. + Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời các câu hỏi. + Thuật lại nội dung chính của bài khóa. + Xây dựng đoạn văn ngắn với cấu trúc trọng điểm. + SV thực hiện hoạt động hỏi	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
			đáp theo cặp. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 164 - 172.	
8	<p>第十三课 你是属什么的? — 话说属相</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa và phát âm đúng phiên âm các từ và cụm từ mới như: 属相、天干、地支、相干、必定、风马牛不相及, ... - Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung. - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 二、练习 	6 (OLT, 6TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, làm việc nhóm.</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hướng dẫn sinh viên phát âm từ, cụm từ mới, đọc diễn cảm bài thơ Đường “竹里馆”. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa. + Giao bài tập thuyết trình cá nhân liên quan đến chủ đề 12 con giáp. + Nhận xét, đánh giá, sửa lỗi sai phát âm. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 191 - + Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Tóm tắt nội dung chính của bài khóa + Thuyết trình bài tập cá nhân (5 phút / 1sv). + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 183 - 190. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
9	<p>第十四课 干吗让狗嘴里吐象牙啊? — 动物与成语</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa và sử dụng đúng các thành ngữ xuất hiện trong bài, như: 兔子尾巴长不了、猪八戒照镜子—里外不是人、猪鼻子插大葱—装象,... 	5 (OLT, 5TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, làm việc nhóm.</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hướng dẫn sinh viên phát âm từ, cụm từ mới, đọc diễn cảm bài thơ Đường “山居秋暝”. + Đưa ra câu hỏi liên quan 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1,

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	<p>- Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung.</p> <p>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、练习</p>		<p>đến nội dung bài khóa: Thuật lại câu chuyện của Trang Tử.</p> <p>+ Giao bài tập thuyết trình theo nhóm, cá nhân.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá, sửa lỗi sai phát âm.</p> <p>Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 191 - 230 .</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Tóm tắt nội dung chính bài khóa.</p> <p>+ Hoàn thành nhiệm vụ thuật chuyện.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 222 - 230.</p>	<p>CĐR3.2, CĐR3.3.</p>
10	<p>第十六课 每逢佳节倍思亲- 中国传统节日</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <p>- Hiểu nghĩa và sử dụng đúng từ và cụm từ mới như: 鸡蛋里挑骨头、灵活、自作自受、反映、谚语、概括、畏首畏尾, ...</p> <p>- Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung.</p> <p>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>二、练习</p>	<p>7 (OLT, 4TH, 3KT)</p>	<p>Thuyết trình, vấn đáp, hoạt động nhóm</p> <p>Giảng viên:</p> <p>+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa.</p> <p>+ Giao bài tập thuyết trình theo nhóm với bốn ngày lễ lớn ở Trung Quốc: (1)元宵节; (2) 端午节; (3) 中秋节; (4) 春节</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá và chỉnh sửa lỗi phát âm.</p> <p>Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 248 - 264.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Tóm tắt nội dung chính bài</p>	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.</p>

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	*Kiểm tra định kỳ bài số 2.		khóa. + SV thực hiện chủ đề thuyết trình theo yêu cầu. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 256 - 264. + SV nghiêm túc hoàn thành bài kiểm tra định kỳ số 2.	

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiên

Nguyễn Thị Hoa